TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 01-8-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Nhân

2. Ông Hoàng Sĩ Thạo

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Trung, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Tăng Nguyễn Việt Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Thạch R, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp B, xã N, tỉnh Vĩnh Long). Có mặt

- *Bị đơn:* Chị Thạch Thị T, sinh 1993

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp B, xã N, tỉnh Vĩnh Long). Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Con chung:*

Cháu Thạch K, sinh ngày 29/8/2016

Cháu Thạch Tuấn K1, sinh ngày 10/7/2019

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 11/3/2025 nguyên đơn anh Thạch R yêu cầu :

Về hôn nhân, anh và Thạch Thị T quen biết và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Vĩnh

Long). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hoà giải hàn gắn nên đã ly thân từ tháng 9/2024 đến nay nên anh yêu cầu ly hôn

Về con chung, anh và Thạch Thị T có 02 con chung tên Thạch K sinh ngày 29/8/2016 và tên Thạch Tuấn K1 sinh ngày 10/7/2019. Anh yêu cầu nuôi 02 con chung và yêu cầu Thạch Thị T cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng là 3.500.000đ đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên anh không yêu cầu.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Thạch R cho rằng :

Anh vẫn giữ yêu cầu ly hôn nguyên nhân do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng từ những việc sinh hoạt trong gia đình như : tiền bạc và cách nuôi dạy con chung. Ngoài ra Thạch Thị T thường nghe lời người ngoài không trách nhiệm lo cho con và cha mẹ hai bên cũng xảy ra mâu thuẫn, không còn nói chuyện chung nên hai bên không thể hàn gắn đoàn tụ được.

Anh vẫn giữ yêu cầu nuôi 02 con chung Thạch Ken sinh ngày 29/8/2016 và Thạch Tuấn K1 sinh ngày 10/7/2019. Vì cho rằng anh có điều kiện và khả năng chăm sóc, nuôi dạy, đưa rước con đi học tốt hơn bên Thạch Thị T. Vì từ ngày không còn sống chung đến nay Thạch thị T không đến thăm con lần nào, 02 con đã quen sinh sống chung và được anh cùng cha mẹ anh chăm sóc nên 02 con không chịu theo ở với Thạch Thị T. Anh yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng, cụ thể mỗi tháng 2.000.000 đồng cho một người con đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh yêu cầu cấp dưỡng là để đáp ứng nhu cầu cho các con có điều kiện được học tập, sinh hoạt và vui chơi được tốt hơn.

Anh không đồng ý giao cháu Thạch Tuấn K1 cho Thạch Thị T nuôi do hiện nay Thạch Thị T không tự chăm sóc con được, đang đi làm thuê ở tỉnh Đồng Nai không chịu về mà yêu cầu nuôi con để giao con cho ông bà ngoại (là cha mẹ của chị T) nuôi dùm.

Đối với tài sản chung và nợ chung anh vẫn khai xác định không có nên không yêu cầu chia hoặc tranh chấp gì khác khi ly hôn. Ngoài ra anh không có yêu cầu gỉ khác

Bị đơn chị Thạch Thị T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt yêu cầu:

Chị thừa nhận tự nguyện kết hôn với Thạch R và quá trình sống chung do nhiều lần bị Thạch R đánh đập do ghen không có căn cứ nên chị không yêu cầu hàn gắn đoàn tụ mà đồng ý ly hôn theo Thạch R yêu cầu.

Chị xác nhận có 02) con chung với Thạch R tên Thạch K sinh ngày 29/8/2016 và Thạch Tuấn K1, sinh ngày 10/7/2019. Do từ ngày không còn sống chung, Thạch R đã ngăn cản việc chị thăm con nên chị không đến thăm và yêu cầu nuôi cháu Thạch Tuấn K1, chị không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Chị không

đồng ý giao hết 02 con chung cho Thạch R nuôi, cũng không đồng ý cấp dưỡng cho con theo Thạch R yêu cầu.

Đối với tài sản chung, nợ chung đều không có nên chị cũng không yêu cầu chia hoặc tranh chấp khi ly hôn.

Do chị đi làm thuê xa nhà – tỉnh Đồng Nai khó xin nghỉ, việc đi lại không thuận tiện nên chị đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Con chung cháu Thạch K đủ 07 tuổi trình bày nguyện vọng, tự nguyên yêu cầu được ở với cha là Thạch R khi cha mẹ ly hôn với nhau.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Anh R và chị T quen biết và có đăng ký kết hôn vào năm 2016, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long) vì vậy hôn nhân hai người là hợp pháp. Thời gian sống chung vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng trong công việc và cuộc sống hằng ngày dẫn đến không hạnh phúc nên đã ly thân từ tháng 09 năm 2024 và hai người không muốn hàn gắn, mà mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nhận thấy anh R và chị T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy nên có căn cứ để chấp nhận cho anh R được ly hôn với chị T.

Anh R và chị T có 02 người con tên Thạch K sinh ngày 29/8/2016 và Thạch Tuấn K1 sinh ngày 10/7/2019 hiện sống chung anh R, đồng thời nguyện vọng của cháu Thạch K là được sống với cha. Riêng cháu Thạch Tuấn K1 chị T có yêu cầu nuôi dưỡng nhưng hiện nay đang làm thuê tại Đồng Nai, để đảm bảo ổn định về môi trường sống, học tập của cháu nên đề nghị chấp nhận giao anh R tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung.

Anh R yêu cầu chị T cấp dưỡng cho 02 chung đến khi đủ 18 tuổi. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác; Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con*". Do đó anh R yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con là phù hợp.

Theo đơn khởi kiện, anh R yêu cầu mức cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng 3.500.000đ. Nhưng tại phiên toà anh R thay đổi mức cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng 4.000.000đ. Nhận thấy, yêu cầu này của anh R đã vượt quá phạm vi khởi kiện nên đề nghị không chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện.

Theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*", đồng thời căn cứ tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: "*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*".

Anh R yêu cầu chị T cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng 3.500.000đ nhưng anh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập trung bình mỗi tháng của chị T là bao nhiêu. Tại thời điểm xét xử thì tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng là chị T đang cư trú 3.450.000đ cho nên mức cấp dưỡng tối thiểu là 1.725.000 đ/ người /tháng. Vì vậy mức cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng 3.500.000đ là có căn cứ chấp nhận.

Đối với tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị không giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Cho anh Thạch R được ly hôn với chị Thạch Thị T.

Con chung: Giao giao 02 con chung Thạch Ken sinh ngày 29/8/2016 và Thạch Tuấn K1 sinh ngày 10/7/2019 cho anh Thạch R tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng cho con: Buộc chị Thạch Thị T cấp dưỡng cho 02 con chung là cháu Thạch K và Thạch Tuấn K1 mỗi tháng 3.500.000 đồng tháng cho đến khi cháu K và cháu K1 đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Anh Thạch R khởi kiện chị Thạch Thị T có nơi cư trú tại ấp B, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp B, xã N, tỉnh Vĩnh Long), nội dung yêu cầu ly

hôn, yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng cho con. Căn vào khoản 1, khoản 5 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Toà án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Toà án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long) thụ lý, giải quyết vụ án; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách đương sự là đúng.

[2] Sự vắng mặt tại phiên tòa của bị đơn là có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Tại đơn khởi kiện và các lời khai của đương sự cho thấy, anh R và chị T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn, được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 145 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 14/10/2016 (bút lục 06) nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

[4] Anh R cho rằng do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Trước khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã có thông báo hoà giải động viên, giải thích, đồng thời thuyết phục nhằm tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ mà không thành. Tại phiên toà anh R kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn, giữ yêu cầu nuôi 02 con chung và thay đổi yêu cầu mức cấp dưỡng cho 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng tăng so với khởi kiện ban đầu là mỗi tháng 3.500.000 đồng. Tại các lời khai trình bày, đơn đề nghị xét xử vắng mặt (bút lục 28, 29; 35, 36, 37, 38, 39 và 44) chị T tự nguyện đồng ý ly hôn, nhưng không đồng ý giao 02 con chung cho anh R nuôi và không đồng ý cấp dưỡng cho vì cho rằng mức thu nhập mỗi tháng khoảng 7.500.000 đồng chỉ đủ chi phí sinh hoạt cho chị, đồng thời chị có yêu cầu nuôi cháu Thạch Tuấn K1 và không yêu cầu cấp dưỡng, căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở chấp nhận cho anh R và chị T ly hôn.

[5] Đối với cháu Thạch K, Thạch Tuấn K1. Qua giấy khai sinh (bút lục 04 và 05) thể hiện cháu K đủ từ 07 tuổi trở lên và có ý kiến trình bày nguyện vọng tự nguyện yêu cầu ở với anh R (bút lục 28, 29, 30). Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã có giải thích cho đương sự quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con tại các điều 82, 83, 107 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nhận thấy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, nguyện vọng của cháu K và xác minh tại địa phương (bút lục 45, 46) thời điểm xét xử vụ án cháu K và cháu K1 do anh R trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong điều kiện đáp ứng các nhu cầu thiết yếu như: vui chơi, học tập, chữa bệnh … nên có cơ sở giao cháu Thạch K, cháu Thạch Tuấn K1 cho anh R trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn.

[6] Đối với việc anh R thay đổi mức cấp dưỡng cho con mỗi tháng 4.000.000 đồng, cụ thể mỗi con 2.000.000đ/tháng. Nhận thấy, so với đơn khởi kiện ban đầu là vượt phạm vi khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án anh R không có nộp đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung, căn cứ vào khoản 1 điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, không chấp nhận việc thay đổi mức cấp dưỡng này, chỉ xem xét, giải quyết mức yêu cầu 3.500.000 đồng tại đơn

khởi kiện ban đầu (bút lục 01). Căn cứ vào điều kiện thực tế của chị T là người có nghĩa vụ cấp dưỡng, rõ ràng tại thời điểm xét xử chị có việc làm, có thu nhập trung bình mỗi tháng 7.500.000 đồng nên có cơ sở buộc chị T cấp dưỡng cho 02 con là phù hợp quy định tại khoản 2 điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể khoản 2 quy định: *"2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con."*. Trong trường hợp này, tại khoản 2 điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024, về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định, thì mức cấp dưỡng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con, hiện nay quy định xã N, tỉnh Vĩnh Long là thuộc vùng 4 có mức lương tối thiểu vùng là 3.450.000đ/tháng. Như vậy, với yêu cầu của anh R như nêu trên có cơ sở chấp nhận mỗi tháng bằng 1.750.000 đồng cho một người con là phù hợp.

[7] Đối với chị Thạch Thị T có đưa ra yêu cầu nuôi cháu Thạch Tuấn K1 sinh năm ngày 10/7/2019. Nhưng tại thời điểm xét xử, chị làm thuê tại tỉnh Đồng Nai và cho rằng sẽ nhờ cha mẹ chăm sóc con thay chị. Nhận thấy, việc chị yêu cầu nuôi con nhưng bản thân chị không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, trong khi hàng ngày anh R là người trực tiếp làm những việc này đối với 02 con trong môi trường, điều kiện đảm bảo sự phát triển bình thường của 02 con nên yêu cầu của chị T không được chấp nhận. Sau khi ly hôn, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2025 đến khi 02 con đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình; 02 con được nhận làm con nuôi; 02 con được chị T trực tiếp nuôi dưỡng và một số trường hợp khác quy định tại điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Quyền, nghĩa vụ tài sản chung, đương sự cùng khai xác nhận không có, đồng thời không có yêu cầu hoặc tranh chấp gì khác nên không giải quyết.

[9] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký và đối với việc giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và chị Thạch Thị T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thạch R.

1. Về hôn nhân:

Cho anh Thạch R và chị Thạch Thị T được ly hôn

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung:

Giao cháu Thạch K sinh ngày 29/8/2016 và cháu Thạch Tuấn K1 sinh ngày 10/7/2019 cho anh Thạch R trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Buộc chị Thạch Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chung Thạch K và Thạch Tuấn K1 mỗi tháng 3.500.000 đồng, cụ thể: cấp dưỡng mỗi tháng 1.750.000 đồng cho mỗi người con.

Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2025 đến khi 02 con đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình; 02 con được nhận làm con nuôi; 02 con được chị T trực tiếp nuôi dưỡng và khi người cấp dưỡng hoặc người được cấp dưỡng chết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quyền tài sản chung (tài sản chung): Đương sự không yêu cầu chia hoặc tranh chấp khi ly hôn nên không giải quyết.

4. Về nghĩa vụ tài sản chung (nợ chung): Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Thạch R chịu án án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0014670 ngày 10/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A – Vĩnh Long) nên không phải nộp tiếp.

Buộc chị Thạch Thị T chịu án phí cấp dưỡng cho con 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực A – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Thị Hồng Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Sĩ T1 – V **Kim Thị Hồng N**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực A – Vĩnh Long;
- THADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Thị Hồng Nga